

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỐ**

Số: 2179 /UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đức Phố, ngày 19 tháng 7 năm 2023

V/v đề nghị thẩm định bản đồ địa  
chính để thực hiện xây dựng Công  
trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam  
phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025;  
Địa điểm: Phường Phổ Ninh,  
thị xã Đức Phố (đợt 7 và  
điều chỉnh đợt 1; 2; 4; 5)

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Công văn số 6099/UBND-CNXD ngày 04/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thẩm định bản đồ địa chính khu đất theo từng đợt để thực hiện dự án.

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 2525/BQL-QLDA1 ngày 10/7/2023 về việc thẩm định bản đồ trích lục địa chính khu đất (đợt 7) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025, đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn, đoạn qua phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phố.

Trên cơ sở đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 376/TNMT ngày 13/7/2023, UBND thị xã Đức Phố thống nhất đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định bản đồ địa chính khu đất - Bản đồ được trích lục từ tờ bản đồ địa chính số 17, 18, 19, 21, 22 phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phố do Công ty Cổ phần đo đạc và xây dựng 168 Quảng Ngãi lập ngày 09/7/2023 và được Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường kiểm tra ngày 10/7/2023 để thực hiện xây dựng Công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 - 2025; Địa điểm: Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phố (đợt 7 và điều chỉnh đợt 1; 2; 4; 5) với nội dung cụ thể như sau:


1. Thẩm định đợt 7:


- Tổng số tờ bản đồ địa chính khu đất: 01 tờ.
- Tổng số thửa đất đề nghị thẩm định: 03 thửa.
- Tổng diện tích các thửa đất: 1.094,1m<sup>2</sup>.
- Diện tích quy hoạch: 1.087,5m<sup>2</sup>.
- Nhóm đất: Đất nông nghiệp.

2. Thẩm định điều chỉnh đợt 1; 2; 4; 5:

- Tổng số tờ bản đồ địa chính khu đất: 02 tờ.
- Tổng số thửa đất đề nghị thẩm định: 15 thửa.
- Tổng diện tích các thửa đất: 7.520,6m<sup>2</sup>.
- Diện tích quy hoạch: 4.941,9m<sup>2</sup>.
- Nhóm đất: Đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp.

(Chi tiết có hồ sơ kèm theo)

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường quan tâm, sớm thẩm định bản đồ để UBND thị xã Đức Phổ và Chủ đầu tư có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo. / 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Ban QLDA DTXD các CTGT tỉnh;
- CT. PCT UBND thị xã;
- Phòng TN&MT;
- UBND phường Phổ Ninh;
- VP HDND&UBND thị xã: CVP, PCVP, CV trên địa bàn;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Minh Vương**



## DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BẢN ĐỒ (ĐỢT 7)

Dự án: Tiêu dự án *thông lệ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025*

Địa điểm: Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số 2179/UBND ngày 9/7/2023 của Ủy Ban Nhân Dân thị xã Đức Phổ)

STT	Tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2023							Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 1998					Ghi chú
	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )			Loại đất	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	GCNQSD Đ (nếu có)	
				Đo vẽ	Quy hoạch								
					Quy hoạch thẩm định đợt 7	Quy hoạch điều chỉnh lại đợt 1+2+4+5							
1	UBND phường	1	177	628,6		277,5	277,5	DGT	18				
2	UBND phường	1	219	164,8		52,5	52,5	DGT	18				
3	UBND phường	1	183	334,5		86,4	86,4	NTD	18				
4	Bà Trần Thị Thu Tâm	1	191	846,8		846,8	846,8	BHK	18	723	900	BIHK	CS 03014
5	UBND phường	2	154	642,8		642,8	642,8	LUC	18	942	1536	3L	
6	Hộ ông Nguyễn Thanh Hải	2	476	788,0		159,3	159,3	LUC	18	942	1536	3L	Xác nhận loại đất tại CV số 1940/UBND
7	UBND phường	2	192	256,8		256,8	256,8	LUC	18	962	716	Lúa	
8	Hộ bà Nguyễn Thị Dư	2	473	588,0		401,8	401,8	LUC	18	962	716	Lúa	Xác nhận loại đất tại CV số 1940/UBND
9	UBND phường	2	210	259,2		54,4	54,4	LUC	18	987	1048	3L	
10	Ông Lê Trung Hát (Người đại diện đồng thừa kế của hộ bà Nguyễn Thị Do)	2	474	1.048,0		490,5	490,5	LUC	18	987	1048	3L	Xác nhận loại đất tại CV số 1940/UBND
11	UBND phường	2	224	264,6		264,6	264,6	LUC	21	868	841	3L	
12	Hộ ông Phạm Ba	2	477	582,0		326,5	326,5	LUC	21	868	841	3L	Xác nhận loại đất tại CV số 1940/UBND



STT	Tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2023							Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 1998					Ghi chú	
	Chủ quản tài sản dụng	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )			Loại đất	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	GCNQSD Đ (nếu có)		
				Đo vẽ	Quy hoạch									
					Quy hoạch thẩm định đợt 7	Quy hoạch điều chỉnh lại đợt 1+2+4+5								Tổng quy hoạch
13	UBND phường	2	326	169,3		169,3	169,3	BHK	22	405	215	BHK		
14	Hộ ông Nguyễn Văn Mười	2	346	786,9		786,9	786,9	BHK	22	406	702	ĐRM	03390	
15	UBND phường	2	383	160,3		125,8	125,8	BHK	22	893	160	BHK		
16	Hộ ông Nguyễn Cư	2	39	221,6	215,0		215,0	LUC	17	546	468	3L	03134	
17	Hộ ông Võ Lợi	2	83	184,3	184,3		184,3	BHK	18	842	586	BHK		Xác nhận loại đất tại CV số 1940/UBND
18	Bà Nguyễn Thị Lộng (Đại diện đồng thừa kế của hộ bà Nguyễn Thị Một)	2	256	688,2	688,2		688,2	LUC	22	117	624	3L		Xác nhận loại đất tại CV số 1940/UBND
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>8.614,7</b>	<b>1.087,5</b>	<b>4.941,9</b>	<b>6.029,4</b>							